**Câu1:**Một hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm những thành phần chủ yếu nào sau đây:

( Chương II/ bài 50/ Mức 1)

A. Thành phần vô sinh, thành phần hữu cơ, thành phần vô cơ

B. Thành phần động vật, thành phần thực vật, thành phần vi sinh vật

C. Sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải

D. Thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải

**Câu 2:** Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm những yếu tố nào sau đây:

( Chương II/ bài 50/ Mức 2)

A.Các chất vô cơ: nước, khí cacbonic, khí oxi...., các loài vi rút, vi khuẩn...

B. Các chất mùn, bã, các loài rêu, địa y.

C. Các nhân tố khí hậu như: nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm...các loại nấm, mốc.

D.Nước, khí cacbonic, khí oxi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm.

**Câu 3:**Dòng năng lượng trong chuỗi thức ăn, năng lượng khởi đầu trong sinh giới được lấy từ đâu?( Chương II/ bài 50/ Mức )

A. Từ môi trường không khí B. Từ nước

C. Từ chất dinh dưỡng trong đất D. Từ năng lượng mặt trời

**Câu 4:** Trong chuỗi thức ăn sau:

Cây cỏ 🡪 Bọ rùa 🡪 Ếch 🡪 Rắn 🡪Vi sinh vật

 Thì rắn là : ( Chương II/ bài 50/ Mức 2)

A. Sinh vật sản xuất B. Sinh vật tiêu thụ cấp 1

C. Sinh vật tiêu thụ cấp 2 D. Sinh vật tiêu thụ cấp 3

**Câu 5:** Cho chuỗi thức ăn đơn giản còn để chỗ trống sau:

Cây gỗ 🡪 (...........) 🡪 Chuột 🡪 Rắn 🡪 Vi sinh vật

Loài nào sau đây điền vào chỗ trống là hợp lí nhất ( Chương II/ bài 50/ Mức 2)

A. Mèo B. Sâu ăn lá cây

C. Bọ ngựa D. Ếch

**Câu 6:** Trong chuỗi thức ăn, sinh vật sản xuất là loài sinh vật nào sau đây?( Chương II/ bài 50/ Mức 1)

A. Nấm và vi khuẩn B. Thực vật

C. Động vật ăn thực vật D. Các động vật kí sinh

**Câu 7** Sinh vật tiêu thụ gồm những đối tượng nào sau đây?( Chương II/ bài 50/ Mức 2)

A. Động vật ăn thực vật , động vật ăn thịt bậc 1 . động vật ăn thịt bậc 2

B. Động vật ăn thịt bậc 1, động vật ăn thịt bậc 2, thực vật

C. Động vật ăn thịt bậc 2, động vật ăn thực vật, thực vật

D. Thực vật , động vật ăn thịt bậc 2 , động vật ăn thực vật

**Câu 8:** Sinh vật ăn thịt là :( Chương II/ bài 50/ Mức 1)

A. Con bò B. Con cừu

C. Con thỏ D. Cây nắp ấm

**Câu 9:** Năm sinh vật là : Trăn, cỏ, châu chấu, gà rừng và vi khuẩn có thể có quan hệ dinh dưỡng theo sơ đồ nào dưới đây?( Chương II/ bài 50/ Mức 3)

A. Cỏ → châu chấu → trăn → gà rừng → vi khuẩn

B. Cỏ → trăn → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng

C Cỏ → châu chấu → gà rừng → trăn → vi khuẩn

D. Cỏ → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng → trăn

**Câu 10:**Lưới thức ăn là :( Chương II/ bài 50/ Mức 1)

A. Gồm một chuỗi thức ăn

B. Gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau

C. Gồm các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung

D. Gồm ít nhất là 1 chuỗi thức ăn trở lên

**Câu 11:**Sinh vật nào là mắt xích cuối cùng trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh ?( Chương II/ bài 50/ Mức 1)

A. Vi sinh vật phân giải B. Động vật ăn thực vật

C. Động vật ăn thịt D. Thực vật

**Câu 12:**Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ là (chương 3/ bài 53/ mức 1)

A. Hái quả , săn bắt thú.

B. Bắt cá, hái quả.

C. Săn bắt thú, hái lượm cây rừng.

D. Săn bắt động vật và hái lượm cây rừng.

**Câu 13:** Tác động lớn nhất của con người tới môi trường tự nhiên là (chương 3/ bài 53 / mức 3 )

A. Phá huỷ thảm thực vật, gây ra nhiều hậu quả xấu .

B. Cải tạo tự nhiên làm mất cân bằng sinh thái.

C. Gây ô nhiễm môi trường.

D. Làm giảm lượng nước gây khô hạn.

**Câu 14:** Nguyên nhân gây cháy nhiều khu rừng thời nguyên thuỷ là do ( chương 3 / bài 53 / mức 2)

A. Con người dùng lửa để lấy ánh sáng

B. Con người dùng lửa để nấu nướng thức ăn .

C. Con người dùng lửa sưởi ấm .

D. Con người đốt lửa dồn thú dữ vào các hố sâu để bắt .

**Câu 15:** Ở xã hội nông nghiệp do con người hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã :(chương 3/ bài 53/ mức 1 )

A. Chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác.

B. Chặt phá rừng lấy đất chăn thả gia súc .

C. Chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác , chăn thả gia súc .

D. Đốt rừng lấy đất trồng trọt .

**Câu 16:** Săn bắt động vật hoang dã quá mức dẫn đến hậu quả ( chương 3/ bài 53/ mức 1 )

A. Mất cân bằng sinh thái .

B. Mất nhiều loài sinh vật .

C. Mất nơi ở của sinh vật .

D. Mất cân bằng sinh thái và mất nhiều loài sinh vật .

**Câu 17:** Ở xã hội nông nghiệp, hoạt động nông nghiệp đem lại lợi ích là ( chương 3/ bài 53/ mức 1)

A. Hình thành các hệ sinh thái trồng trọt .

B. Tích luỹ thêm nhiều giống vật nuôi .

C. Tích luỹ thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi .

D. Tích luỹ thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi và hình thành các hệ sinh thái trồng trọt

**Câu 18:** Ở xã hội nông nghiệp hoạt động cày xới đất canh tác làm thay đổi đất và nước tầng mặt nên ( chương 3 /bài 53 / mức 2 )

A. Đất bị khô cằn . B. Đất giảm độ màu mở .

C. Xói mòn đất . D. Đất khô cằn và suy giảm độ màu mở.

**Câu 19:** Nền nông nghiệp hình thành , con người phải sống định cư ,dẫn đến nhiều vùng rừng bị chuyển đổi thành ( chương 3 / bài 53 / mức 3)

A. Khu dân cư B. Khu sản xuất nông nghiệp .

C. Khu chăn thả vật nuôi. D. Khu dân cư và khu sản suất nông nghiệp .

**Câu 20:** Tác động xấu của con người đối với môi trường tự nhiên ( chương 3 / bài 53 / mức 1 )

A. Chặt phá rừng bừa bãi , khai thác tài nguyên thiên nhiên .

B. Khai thác tài nguyên thiên nhiên , Săn bắt động vật hoang dã .

C. Săn bắt động vật hoang dã, chặt phá rừng bừa bãi .

D. Chặt phá rừng bừa bãi, săn bắt động vật hoang dã, khai thác tài nguyên thiên nhiên .

**Câu 21:** Suy giảm độ đa dạng của sinh học là nguyên nhân gây nên ( chương 3 / bài 53 / mức 3)

A. Mất cân bằng sinh thái . B. Làm suy giảm hệ sinh thái rừng .

C. Làm suy giảm tài nguyên sinh vật . D. Làm ức chế hoạt động của các vi sinh vật .

**Câu 22:** Ở xã hội công nghiệp xuất hiện nhiều vùng trồng trọt lớn là do ( chương 3 / bài 53 / mức 3 )

A. Nền nông nghiệp cơ giới hoá . B. Công nghiệp khai khoáng phát triển .

C. Chế tạo ra máy hơi nước . D. Nền hoá chất phát triển .

**Câu 23 :** Hậu quả gây nên cho môi trường tự nhiên do con người săn bắt động vật quá mức là ( chương 3 / bài 53 / mức 2 )

A. Động vật mất nơi cư trú .

B. Môi trường bị ô nhiễm .

C. Nhiều loài có nguy cơ bị tiệt chủng , mất cân bằng sinh thái .

D. Nhiều loài trở về trạng thái cân bằng .

**Câu 24:** Thế kỉ XVIII được coi là điểm mốc của ( chương 3 / bài 53/ mức 3)

A. Sự phát triển của nền nông nghiệp . B. Thời đại văn minh công nghiệp .

C. Sự phát triển đô thị . D. Nền nông nghiệp cơ giới hoá .

**Câu 25:** Hoạt động nào sau đây của con người không ảnh hưởng đến môi trường ( chương 3 / bài 53 /mức 1 )

A. Hái lượm . B. Săn bắn quá mức .

C. Chiến tranh . D. Hái lượm, săn bắn, chiến tranh .

**Câu 26:** Thế nào là ô nhiễm môi trường ? ( chương 3 / bài 54 / mức 1 )

A. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn .

B. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn . Các tính chất vật lí thay đổi .

C. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn . Các tính chất vật lí , hoá học , sinh học thay đổi .

D. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn .Các tính chất vật lí , hoá học , sinh học bị thay đổi gây tác hại cho con người và các sinh vật khác .

**Câu 27:** Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường là gì ? ( chương 3 / bài 54 / mức 1 ) )

A. Do hoạt động của con người gây ra .

B. Do 1 số hoạt động của tự nhiên ( núi lửa , lũ lụt ..)

C. Do con người thải rác ra sông .

D. Do hoạt động của con người gây ra và do 1 số hoạt động của tự nhiên.

**Câu 28:** Nguyên nhân gây ô nhiễm khí thải chủ yếu do quá trình đốt cháy ( chương 3 / bài 54 / mức 1 )

A. Gỗ , than đá . B. Khí đốt , củi .

C. Khí đốt , gỗ . D. Gỗ , củi , than đá , khí đốt .

**Câu 29:** Một số hoạt động gây ô nhiễm không khí như ( chương 3/ bài 54 / mức 1)

A. Cháy rừng , các phương tiện vận tải .

B. Cháy rừng , đun nấu trong gia đình .

C. Phương tiện vận tải , sản xuất công nghiệp .

D. Cháy rừng , phương tiện vận tải , đun nấu trong gia đình , sản xuất công nghiệp .

**Câu 30:** Nguyên nhân ô nhiễm không khí là do ( chương 3 /bài 54 / mức 1 )

A. Săn bắt bừa bãi , vô tổ chức .

B. Các chất thải từ thực vật phân huỷ .

C. Đốn rừng để lấy đất canh tác .

D. Các chất thải do đốt cháy nhiên liệu : gỗ , củi , than đá , dầu mỏ .

**Câu 31 :** Năng lượng nguyên tử và chất phóng xạ có khả năng gây đột biến ở người , gây ra một số bệnh ( chương 3 / bài 54 / mức 1 )

A. Bệnh di truyền . B. Bệnh ung thư .

C. bệnh lao . D. Bệnh di truyền và bệnh ung thư.

**Câu 32:** Nguồn ô nhiễm phóng xạ chủ yếu là từ chất thải của ( chương 3 / bài 54 / mức 1 )

A. Công trường khai thác chất phóng xạ .

B . Nhà máy điện nguyên tử .

C. Thử vũ khí hạt nhân .

D. Công trường khai thác chất phóng xạ, nhà máy điện nguyên tử, việc thử vũ khí hạt nhân .

**Câu 33 :** Nguồn gốc gây ô nhiễm sinh học chủ yếu do các chất thải như ( chương 3 /bài 54 /mức 1 )

A. Phân , rác , nước thải sinh hoạt .

B. Nước thải sinh hoạt , nước thải từ các bệnh viện .

C. Xác chết của các sinh vật , nước thải từ các bệnh viện .

D. Phân , rác , nước thải sinh hoạt , xác chết sinh vật , nước thải từ các bệnh viện .

**Câu 34**: Khắc phục ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật gồm các biện pháp nào ? ( chương 3/bài54/ mức 3)

A. Biện pháp sinh học và biện pháp canh tác .

B. Biện pháp canh tác , bón phân .

C. Bón phân , biện pháp sinh học .

D. Biện pháp sinh học , biện pháp canh tác , bón phân hợp lí .

**Câu 35:** Trùng sốt rét phát triển ở đâu trong cơ thể người ? ( chương 3/ bài 54 / mức 2)

A. Trong gan . B. Trong hồng cầu .

C. Trong bạch cầu . D. Trong gan và hồng cầu .

**Câu 36:** Người ăn gỏi cá ( thịt cá sống ) sẽ bị nhiễm bệnh ( chương 3 / bài 54 / mức 2)

A. Bệnh sán lá gan . B. Bệnh tả , lị .

C. Bệnh sốt rét . D. Bệnh thương hàn .

**Câu 37:**Thuốc bảo vệ thực vật gồm các loại ( chương 3/ bài 54 / mức 1)

A. Thuốc trừ sâu , thuốc diệt cỏ .

B. Thuốc diệt cỏ , thuốc diệt nấm gây hại .

C. Thuốc trừ sâu , thuốc diệt nấm gây hại .

D. Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ , thuốc diệt nấm gây hại .

**Câu 38:** Nguyên nhân dẫn đến bệnh tả , lị : ( chương 3/ bài 54/ mức 1)

A. Thức ăn không vệ sinh , nhiễm vi khuẩn E. Coli .

B. Thức ăn không rửa sạch .

C. Môi trường sống không vệ sinh .

D. Thức ăn không vệ sinh , nhiễm vi khuẩn E. Coli, thức ăn không rửa sạch, môi trường sống không vệ sinh .

**Câu 39**: Nguồn ô nhiễm nhân tạo gây ra là do ( chương 3 /bài 54/ mức 1)

A. Hoạt động công nghiệp .

B. Hoạt động giao thông vận tải .

C. Đốt cháy nguyên liệu trong sinh hoạt .

D. Hoạt động công nghiệp , giao thông vận tải , đốt cháy nhiên liệu trong sinh hoạt .

**Câu 40:** Biện pháp hạn chế ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật ( chương 3/ bài 55/ mức 2)

A. Trồng rau sạch .

B. Hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

C. Bón phân cho thực vật .

D. Trồng rau sạch , hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật .

**Câu 41:** Các năng lượng không sinh ra khí thải là ( chương 3 / bài 55/ mức 1)

A. Năng lượng mặt trời . B. Khí đốt thiên nhiên .

C. Năng lượng gió D. Năng lượng mặt trời và năng lượng gió .

**Câu 42:**Xây dựng nhiều công viên , trồng cây xanh để: ( chương 3 / bài 55/ mức 2)

A. Hạn chế bụi . B. Điều hoà khí hậu .

C. Xử lí chất thải nông nghiệp . D. Hạn chế bụi , điều hoà khí hậu .

**Câu 43:** Biện pháp hạn chế ô nhiễm tiếng ồn ( chương 3/ bài 55/ mức 1)

A. Hạn chế gây tiếng ồn của các phương tiện giao thông ,

B. Lắp đặt các thiết bị lọc khí cho các nhà máy .

C. Hạn chế tiếng ồn của các phương tiện giao thông , xây dựng công viên cây xanh , trồng cây .

D. Xây dựng công viên cây xanh, trồng cây .

**Câu 44:** Biện pháp hạn chế ô nhiễm do chất thải rắn ( chương 3/ bài 55/ mức 1 )

A. Xây dựng nhà máy tái chế chất thải thành nguyên liệu , đồ dùng ..

B. Tạo bể lắng và lọc nước thải .

C. Trồng nhiều cây xanh .

D. Sản xuất lương thực và thực phẩm an toàn .

**Câu 45:** Biện pháp hạn chế ô nhiễm do chất phóng xạ ( chương 3 /bài 55/ mức 1)

A. Xây dựng nơi quản lí thật chặt chẽ các chất phóng xạ gây nguy hiểm .

B. Xây dựng nhà máy tái chế chất thải .

C. Xây dựng nhà máy xử lí rác .

D. Xây dựng các nhà máy ở xa khu dân cư.

**Câu 46:**Tạo bể lắng , lọc nước thải để hạn chế ( chương 3 /bài 55/ mức 1)

A. Ô nhiễm nguồn nước . B. Ô nhiễm không khí .

C. Ô nhiễm do chất phóng xạ . D. Ô nhiễm do hoạt động thiên tai .

**Câu 47:** Lắp đặt các thiết bị lọc khí cho các nhà máy để hạn chế ( chương 3/ bài 55/ mức 1 )

A. Ô nhiễm không khí . B. Ô nhiễm nguồn nước .

C. Ô nhiễm do chất phóng xạ . D. Ô nhiễm do tiếng ồn .

**Câu 48:** Sản xuất lương thực và thực phẩm an toàn để hạn chế ( chương 3 / bài 55 / mức 1)

A. Ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật , hoá chất .

B. Ô nhiễm do chất phóng xạ .

C. Ô nhiễm do không khí .

D. Ô nhiễm do hoạt động thiên tai .

**Câu 49:** Trong các phương tiện giao thông sau phương tiện nào không gây khí thải ( chương 3 / bài 55 / mức 1)

A. Xe đạp . B. Xe gắn máy .

C. Xe ô tô . D. Ô tô buýt .

**Câu 50:** Những hoạt động nào sau đây không gây ô nhiễm môi trường ( chương 3 / bài 55/ mức 1 )

A. Phun thuốc trừ sâu . B. Trồng cây gây rừng .

C. Vứt rác bừa bãi ra môi trường . D. Thải nước sinh hoạt ra môi trường .